TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 184/2025/QĐST– H1, *ngày 31 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1504/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Thành phố Hồ Chí Minh giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 2 đường N, tổ D, khu phố F, phường B, thành phố T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Số căn cước công dân: 087190000708; cấp ngày: 21/12/2021; nơi cấp: Cảnh sát.

Bị đơn: Ông Trần Trung H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ thường trú: 265/1 đường N, tổ D, khu phố F, phường B, thành phố T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Số căn cước công dân: 079079008584; cấp ngày: 22/12/2021; nơi cấp: Cảnh sát.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Ngọc N với ông Trần Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/5/2012 (nay là Ủy ban nhân dân phường

B, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Bùi Thị Ngọc N và ông Trần Trung H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 24/11/2012 và Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 20/7/2016. Giao con chung tên Trần Ngọc Như Q cho ông Trần Trung H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung tên Trần Ngọc Khánh L cho bà Bùi Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông H, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N, ông H tự khai không có.

Nợ chung: Bà N, ông H tự khai không có.

Về án phí hôn nhân gia đình: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Bùi Thị Ngọc N chiu 75.000 đồng, ông Trần Trung H chịu 75.000 đồng nhưng bà Bùi Thị Ngọc N tự nguyện chịu. Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000059 ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Trả lại cho bà Bùi Thị Ngọc N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Thi hành án dân sự Tp Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Trâm